



**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho  
kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Thông tin về Công ty**

**Quyết định Thành lập số** 3562/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 11 năm 2003

Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải được thành lập từ việc chuyển đổi Doanh nghiệp nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 3562/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 11 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải.

**Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số** 055188 ngày 23 tháng 8 năm 1999

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần của Công ty đã được điều chỉnh 10 lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0200580975 ngày 11 tháng 2 năm 2015.

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Lê Quang Trung	Chủ tịch
	Bà Trịnh Thị Ngọc Biên	Ủy viên
	Ông Đậu Công Lưu	Ủy viên
	Ông Nguyễn Cao Thắng	Ủy viên
	Ông Nguyễn Văn Dũng	Ủy viên
	Ông Nguyễn Chí Kiên	Ủy viên
	Ông Đỗ Hồng Trường	Ủy viên
	Ông Vũ Trường Giang	Ủy viên
Ông Mai Tiến Sỹ	Ủy viên	

<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Ông Nguyễn Văn Dũng	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Chí Kiên	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Mai Tiến Sỹ	Phó Tổng Giám đốc

<b>Ban Kiểm soát</b>	Bà Tạ Kim Chi	Trưởng ban
	Bà Đặng Thúy Định	Thành viên
	Ông Vũ Xuân Trường	Thành viên

**Trụ sở đăng ký**  
Số 11 Võ Thị Sáu, Phường Máy Tơ  
Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**  
Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 43 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Dũng  
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, 29 -08- 2016



**KPMG Limited**  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower,  
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street,  
Me Tri Ward, South Tu Liem District, Hanoi,  
Vietnam

Tel: +84 4 3946 1600  
Fax: +84 4 3946 1601  
www.kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 29-08-2016, được trình bày từ trang 5 đến trang 43.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 “Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện”.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



## Vấn đề khác

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính tổng hợp này trong báo cáo kiểm toán ngày 24 tháng 3 năm 2016. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 chưa được soát xét.

**Công ty TNHH KPMG**

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 16-02-149-2



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, **29 -08- 2016**

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 30 tháng 6 năm 2016**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>98.101.139.460</b>	<b>100.897.903.959</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>9</b>	<b>40.174.731.679</b>	<b>38.635.046.676</b>
Tiền	111		14.674.731.679	12.285.046.676
Các khoản tương đương tiền	112		25.500.000.000	26.350.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>9.655.999.633</b>	<b>11.980.544.577</b>
Chứng khoán kinh doanh	121	10(b)	2.535.776.561	2.569.907.774
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	10(b)	(1.137.335.261)	(1.046.921.530)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	10(a)	8.257.558.333	10.457.558.333
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>46.372.669.543</b>	<b>47.024.594.361</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	11	44.019.407.826	38.777.742.161
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.376.750.980	8.785.088.052
Phải thu ngắn hạn khác	136	12	3.915.065.994	2.400.319.405
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	13	(2.938.555.257)	(2.938.555.257)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>14</b>	<b>1.217.781.284</b>	<b>1.594.468.128</b>
Hàng tồn kho	141		1.217.781.284	1.594.468.128
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>679.957.321</b>	<b>1.663.250.217</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		379.957.321	1.177.345.073
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	485.905.144
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	21(a)	300.000.000	-

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>136.621.773.984</b>	<b>151.902.267.641</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>33.214.851.259</b>	<b>35.061.001.718</b>
Trả trước cho người bán dài hạn	212	15	32.049.981.684	32.319.981.684
Phải thu dài hạn khác	216	12	1.164.869.575	2.741.020.034
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>30.990.254.877</b>	<b>33.852.146.244</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	16	30.990.254.877	33.852.146.244
<i>Nguyên giá</i>	222		<i>118.115.190.881</i>	<i>118.453.060.707</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		<i>(87.124.936.004)</i>	<i>(84.600.914.463)</i>
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>48.573.588.320</b>	<b>41.308.958.414</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	17	48.573.588.320	41.308.958.414
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>10(c)</b>	<b>16.130.317.064</b>	<b>35.340.307.522</b>
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		3.600.000.000	3.600.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		33.594.424.002	33.594.424.002
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(21.064.106.938)	(1.854.116.480)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>7.712.762.464</b>	<b>6.339.853.743</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	18	5.642.785.288	6.339.853.743
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	19	2.069.977.176	-
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>234.722.913.444</b>	<b>252.800.171.600</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

Mẫu B 01a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>89.046.865.066</b>	<b>87.050.998.780</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>36.765.451.292</b>	<b>34.463.644.106</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	18.076.947.402	17.631.406.924
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.240.029	775.906.500
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	21(b)	1.069.257.076	4.145.698.884
Phải trả người lao động	314		3.225.534.718	5.907.542.348
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	22	4.794.700.965	3.457.453.472
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		85.527.270	726.981.816
Phải trả ngắn hạn khác	319	23(a)	8.258.624.527	1.586.775.980
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		572.219.092	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	24	678.400.213	231.878.182
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>52.281.413.774</b>	<b>52.587.354.674</b>
Phải trả dài hạn khác	337	23(b)	52.281.413.774	52.587.354.674
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>145.676.048.378</b>	<b>165.749.172.820</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>25</b>	<b>145.676.048.378</b>	<b>165.749.172.820</b>
Vốn cổ phần	411	26	90.000.000.000	90.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		90.000.000.000	90.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	25	20.000.000.000	20.000.000.000
Cổ phiếu quỹ	415	26	(20.000)	(20.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418	28	16.830.983.651	12.315.446.218
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		18.845.084.727	43.433.746.602
- LNST chưa phân phối đến cuối kỳ/năm trước	421a		26.196.879.429	25.995.248.480
- (Lỗ)/LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		(7.351.794.702)	17.438.498.122
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>234.722.913.444</b>	<b>252.800.171.600</b>

29 -08- 2016

Người lập:



Bùi Thị Thu Hà  
 Người lập

Người duyệt:



Đặng Anh Dũng  
 Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Dũng  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này



**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016**

Mẫu B 02a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2016 VND	30/6/2015 VND Chưa soát xét
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	30	114.504.641.215	116.980.349.549
Giá vốn hàng bán	11	31	99.604.579.291	103.956.226.198
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>14.900.061.924</b>	<b>13.024.123.351</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	1.377.000.411	1.576.284.618
Chi phí tài chính	22	33	19.358.411.684	36.625.829
Chi phí bán hàng	25		86.998.701	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	6.310.271.387	4.727.239.264
<b>(Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>(9.478.619.437)</b>	<b>9.836.542.876</b>
Thu nhập khác	31	35	607.993.295	749.743.025
Chi phí khác	32		550.221.736	178.821.825
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>57.771.559</b>	<b>570.921.200</b>
<b>(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(9.420.847.878)</b>	<b>10.407.464.076</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	37	924.000	2.129.632.621
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	37	(2.069.977.176)	-
<b>(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>(7.351.794.702)</b>	<b>8.277.831.455</b>
<b>(Lỗ)/lãi trên cổ phiếu</b>				
(Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	38	(817)	920

29 -08- 2016

Người lập:



Bùi Thị Thu Hà  
 Người lập

Người duyệt:



Đậu Anh Dũng  
 Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Dũng  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016  
(Phương pháp gián tiếp)**

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2016 VND	30/6/2015 VND Chưa soát xét
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>(Lỗ)/lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>(9.420.847.878)</b>	<b>10.407.464.076</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		3.046.584.749	2.693.702.136
Các khoản dự phòng	03		19.872.623.281	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	(27.012.880)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(1.534.976.470)	(2.114.485.116)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>11.963.383.682</b>	<b>10.959.668.216</b>
Biến động các khoản phải thu	09		2.744.934.863	(8.175.369.425)
Biến động hàng tồn kho	10		376.686.844	1.665.132.188
Biến động các khoản phải trả	11		(2.500.027.906)	(1.678.499.112)
Biến động chi phí trả trước	12		1.389.995.459	(57.221.659)
Biến động chứng khoán kinh doanh	13		34.131.213	-
			<b>14.009.104.155</b>	<b>2.713.710.208</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.705.930.141)	(3.529.536.403)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		101.698.822	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.576.508.931)	(1.650.348.564)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>8.828.363.905</b>	<b>(2.466.174.759)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(7.366.429.906)	(3.343.380.375)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		220.690.909	516.000.000
Gửi tiền vào tiền gửi có kỳ hạn	23		-	(2.200.000.000)
Rút tiền gửi có kỳ hạn	24		2.200.000.000	5.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		1.574.898.485	1.676.929.389
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(3.370.840.512)</b>	<b>1.649.549.014</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2016 VND	30/6/2015 VND Chưa soát xét
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền trả cổ tức	36		(3.917.838.390)	(8.395.457.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(3.917.838.390)</b>	<b>(8.395.457.500)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b> (50 = 20 + 30 + 40)	<b>50</b>		<b>1.539.685.003</b>	<b>(9.212.083.245)</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	9	38.635.046.676	59.592.063.490
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	27.012.880
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>9</b>	<b>40.174.731.679</b>	<b>50.406.993.125</b>

29 -08- 2016

Người lập:



Bùi Thị Thu Hà  
 Người lập

Người duyệt:



Đặng Anh Dũng  
 Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Dũng  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty được thành lập từ việc chuyển đổi Doanh nghiệp nhà nước Công ty Phát triển Hàng hải, đơn vị thành viên Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam thành công ty cổ phần theo Quyết định số 3562/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 11 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 bao gồm Công ty và các chi nhánh phụ thuộc.

**(b) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có 5 đơn vị trực thuộc (1/1/2016: 5 đơn vị trực thuộc) sau:

<b>Tên đơn vị</b>	<b>Địa chỉ</b>
Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải	Số 11 Võ Thị Sáu, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Hàng Hải tại tỉnh Quảng Ninh	Số 10, đường Lê Thánh Tông, Phường Hồng Gai, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Hàng Hải tại Thành phố Hồ Chí Minh	Số 163 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 11, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Hàng Hải tại Thành phố Hà Nội	Tòa nhà Trung tâm Thông tin Thương mại Hàng Hải Quốc tế Hà Nội – OCEAN PARK, số 1, Phố Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Hàng Hải tại Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	B8 Trần Bình Trọng, Phường Nguyễn An Ninh, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam

**(c) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là:

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa, cho thuê kho bãi, văn phòng;
- Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Dịch vụ đại lý vận tải đường biển;
- Dịch vụ môi giới thuê tàu biển;
- Dịch vụ logistics;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa, khai thuế hải quan, kinh doanh xăng dầu; và
- Dịch vụ cho thuê container.

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có 201 nhân viên (1/1/2016: 205 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp năm gần nhất.

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản đầu tư**

**(i) Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

**(iii) Đầu tư vào công ty liên kết**

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(iv) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 8 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ đồ đạc và trang bị văn phòng	4 – 7 năm
▪ tài sản cố định khác	3 năm

**(g) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(h) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 50 năm.

**(ii) Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định**

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định bao gồm các chi phí sửa chữa định kỳ phát sinh theo chu kỳ trong thời gian sử dụng tài sản. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

**(iii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ trên 1 năm đến 2 năm.

**(i) Phải trả người bán và phải trả khác**

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.



**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(j) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(k) Vốn cổ phần**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)**

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

**(l) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(m) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iv) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(o) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

**(p) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo vùng địa lý.

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(q) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**4. Các thay đổi trong ước tính kế toán**

Khi lập báo cáo tài chính tổng hợp hàng năm và báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, không có sự thay đổi trọng yếu về các ước tính kế toán đã được thực hiện từ cuối kỳ kế toán năm trước.

**5. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh**

Công ty không có bộ phận kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

**6. Các khoản mục bất thường**

Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

**7. Các thay đổi trong cơ cấu của đơn vị**

Không có thay đổi trong cơ cấu của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**

**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**8. Báo cáo bộ phận**

**Bộ phận chia theo vùng địa lý**

Công ty gồm các bộ phận chia theo vùng địa lý như sau:

- Khu vực Hải Phòng
- Khu vực Hà Nội
- Khu vực Hồ Chí Minh
- Khu vực Vũng Tàu

	Khu vực Hải Phòng		Khu vực Hà Nội		Khu vực Hồ Chí Minh		Khu vực Vũng Tàu		Loại trừ		Cộng hợp		
	30/6/2016 Triệu VND	30/6/2015 Triệu VND Chưa soát xét	30/6/2016 Triệu VND	30/6/2015 Triệu VND Chưa soát xét	30/6/2015 Triệu VND Chưa soát xét	30/6/2016 Triệu VND	30/6/2015 Triệu VND Chưa soát xét	30/6/2016 Triệu VND	30/6/2015 Triệu VND Chưa soát xét	30/6/2016 Triệu VND	30/6/2015 Triệu VND Chưa soát xét	30/6/2016 Triệu VND	30/6/2015 Triệu VND Chưa soát xét
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	20.992	26.182	22.975	15.759	31.383	40.103	43.656	-	-	-	-	114.505	116.980
Doanh thu giữa các bộ phận	861	695	224	352	110	790	625	(2.064)	(1.782)	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu của bộ phận</b>	<b>21.853</b>	<b>26.877</b>	<b>23.199</b>	<b>16.111</b>	<b>31.493</b>	<b>40.893</b>	<b>44.281</b>	<b>(2.064)</b>	<b>(1.782)</b>	<b>114.505</b>	<b>114.505</b>	<b>116.980</b>	<b>116.980</b>
Kết quả kinh doanh của bộ phận	5.919	7.726	1.428	62	4.021	1.417	1.215	-	-	14.900	14.900	13.024	13.024
Chi phí không phân bổ										24.379	24.379	3.187	3.187
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh										(9.479)	(9.479)	9.837	9.837
Thu nhập khác										608	608	750	750
Chi phí khác										550	550	179	179
Thuế thu nhập doanh nghiệp										(2.069)	(2.069)	2.130	2.130
<b>(Lỗ)/lợi nhuận thuần sau thuế</b>										<b>(7.352)</b>	<b>(7.352)</b>	<b>8.278</b>	<b>8.278</b>

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**

**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tài sản của bộ phận	Khu vực Hải Phòng		Khu vực Hà Nội		Khu vực Hồ Chí Minh		Khu vực Vũng Tàu		Loại trừ		Cộng hợp	
	30/6/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND	30/6/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND	30/6/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND	30/6/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND	30/6/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND	30/6/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
Tài sản của bộ phận	155.999	144.687	14.446	17.256	133.438	135.992	19.584	21.428	(88.744)	(66.563)	234.723	252.800
Nợ phải trả của bộ phận	10.715	8.126	14.446	114.527	133.046	17.871	19.584	13.090	(88.744)	(66.563)	89.047	87.051
Chi tiêu vốn	7.240	-	-	-	24	3.343	102	-	-	-	7.366	3.343
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	1.343	1.037	79	69	1.275	1.391	245	197	-	-	2.942	2.694

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt (*)	1.558.708.640	1.721.216.109
Tiền gửi ngân hàng	13.116.023.039	10.563.830.567
Các khoản tương đương tiền (**)	25.500.000.000	26.350.000.000
	40.174.731.679	38.635.046.676

(\*) Tiền mặt bao gồm 759 triệu VND là khoản tiền do cán bộ nhân viên đóng góp cho Dự án Bắc Rạch Chiềc – Phước Bình (1/1/2016: 216 triệu VND).

(\*\*) Các khoản tương đương tiền bao gồm 8.000 triệu VND là khoản tiền do cán bộ nhân viên đóng góp cho Dự án Bắc Rạch Chiềc – Phước Bình (1/1/2016: 8.350 triệu VND).

**10. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<b>30/6/2016</b>		<b>1/1/2016</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị hợp lý</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị hợp lý</b>
	<b>VND</b>	<b>(*) VND</b>	<b>VND</b>	<b>(*) VND</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	8.257.558.333	8.497.337.905	10.457.558.333	10.689.547.140

Trong tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 1 tháng 1 năm 2016 có một khoản tiền gửi có giá trị 2.000 triệu VND bị hạn chế sử dụng theo Thỏa thuận cấp bảo lãnh với một ngân hàng thương mại cổ phần tại Việt Nam.

(\*) Giá trị hợp lý của khoản tiền gửi có kỳ hạn bao gồm giá trị gốc khoản tiền gửi ban đầu và lãi dự thu đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 và 1 tháng 1 năm 2016. Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng khoản tiền gửi này được gửi ở một ngân hàng có uy tín tại Việt Nam nên không bị suy giảm giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và 1 tháng 1 năm 2016.

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Chứng khoán kinh doanh**

	30/6/2016				1/1/2016			
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
<b>Cổ phiếu</b>								
• Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)	10.820	383.749.881	229.120.000	154.629.881	10.824	383.929.077	240.292.800	143.636.277
• Công ty Cổ phần Cơ điện tử và Phát triển Công nghệ FPT (*)	22.160	742.568.430	454.280.000	288.288.430	19.272	742.645.500	485.654.400	256.991.100
• Công ty Cổ phần Đại lý Liên hiệp Vận chuyển (GMD)	4.131	237.948.000	172.675.800	65.272.200	3.593	237.948.000	173.541.900	64.406.100
• Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship (VNA)	4.995	203.749.750	134.365.500	69.384.250	3.330	203.749.750	141.192.000	62.557.750
• Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam (VOS)	15.000	272.760.500	36.000.000	236.760.500	15.000	272.760.500	34.500.000	238.260.500
• Công ty Cổ phần Vinalines Logistic Việt Nam (VLG)	10.000	195.000.000	22.000.000	173.000.000	10.000	195.000.000	27.000.000	168.000.000
• Cổ phiếu khác	50.000	500.000.000	350.000.000	150.000.000	50.000	500.000.000	400.000.000	110.000.000
		-	-	-		33.874.947	1.381.800	3.069.803
		2.535.776.561	1.398.441.300	1.137.335.261		2.569.907.774	1.503.562.900	1.046.921.530

(\*) Biến động về số lượng cổ phiếu của mã cổ phiếu REE của Công ty Cổ phần Cơ điện tử và Phát triển Công nghệ FPT là cổ tức nhận được bằng cổ phiếu.

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/6/2016		1/1/2016				
	Địa chỉ	Số lượng và % số hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:							
▪ Công ty liên kết							
• Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Hải Âu	Hải Phòng, Việt Nam	360.000 27,7%	3.600.000.000	- (*)	360.000	27,7%	3.600.000.000 (*)
▪ Đơn vị khác							
• Công TNHH Sửa chữa Tàu biển Vinalines (**)	Hải Phòng, Việt Nam	11,3%	33.594.424.002	21.064.106.938 (*)	33.594.424.002	11,3%	1.854.116.480 (*)
			37.194.424.002	21.064.106.938 (*)	37.194.424.002		1.854.116.480 (*)

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(\*\*) Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH Sửa chữa Tàu biển Vinalines được trích lập theo số liệu báo cáo tài chính chưa được soát xét của công ty này tại ngày 30 tháng 6 năm 2016.



**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**(a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn**

	<b>30/6/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Cảng Phước Long	4.820.455.447	5.012.185.994
Công ty Toyota Việt Nam	3.701.992.360	3.740.427.130
Các khách hàng khác	35.496.960.019	30.025.129.037
	44.019.407.826	38.777.742.161

**(b) Phải thu ngắn hạn của khách hàng là bên liên quan**

	<b>30/6/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam	97.620.300	131.019.250
Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam	292.687.320	359.981.110
Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao	-	363.865.000
Công ty Cổ phần Vận tải Container Đông Đô – Cảng Hải Phòng	1.861.053.069	1.861.053.069
Công ty Vận tải biển Container Vinalines (VCSC)	162.691.060	101.935.000
Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông	-	8.380.751
	2.414.051.749	2.826.234.180

Khoản phải thu từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Phải thu khác**

**(a) Phải thu ngắn hạn khác bao gồm**

	<b>30/6/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu tiền lãi	27.222.232	266.267.790
Phải thu người lao động	1.061.006.192	434.972.831
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	450.740.000	484.876.000
Phải thu tiền ký quỹ do chấm dứt hợp đồng thuê bãi	1.401.022.630	378.752.000
Các khoản chi hộ	661.436.635	524.083.404
Phải thu khác	313.638.305	311.367.380
	<b>3.915.065.994</b>	<b>2.400.319.405</b>

**(b) Phải thu ngắn hạn khác từ bên liên quan**

	<b>30/6/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam	16.871.550	16.667.849
	<b>16.871.550</b>	<b>16.667.849</b>

Khoản phải thu ngắn hạn khác từ công ty liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả theo thỏa thuận.

**(c) Phải thu dài hạn khác bao gồm**

	<b>30/6/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ký cược, ký quỹ dài hạn	1.164.869.575	1.164.869.575
Phải thu từ Công ty Cổ phần Nội thất Trang trí Hiệp Hòa Phát	-	1.576.150.459
	<b>1.164.869.575</b>	<b>2.741.020.034</b>

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**

**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**13. Nợ xấu và nợ khó đòi**

	30/6/2016				1/1/2016			
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty Cổ phần Vận tải Container Đông Đô - Cảng Hải Phòng	trên 3 năm từ 6 tháng đến 3 năm	1.861.053.069	1.861.053.069	-	trên 3 năm từ 6 tháng đến 3 năm	1.861.053.069	1.861.053.069	-
Công ty Cổ phần Đường sắt Phía Nam	trên 3 năm	965.489.991	509.589.344	455.900.647	trên 3 năm	940.289.991	509.589.344	430.700.647
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Hóa	trên 3 năm	262.027.503	262.027.503	-	trên 3 năm	262.027.503	262.027.503	-
Khác	trên 6 tháng	424.255.875	305.885.341	118.370.534	trên 1 năm	374.218.185	305.885.341	68.332.844
		<u>3.512.826.438</u>	<u>2.938.555.257</u>	<u>574.271.181</u>		<u>3.437.588.748</u>	<u>2.938.555.257</u>	<u>499.033.491</u>

*Trong đó:*

Dự phòng phải thu khó đòi  
– ngắn hạn

2.938.555.257

2.938.555.257

H  
Y / 3/11

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Hàng tồn kho**

	30/6/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	232.000.000	-	528.517.920	-
Nguyên vật liệu	431.069.915	-	772.634.880	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	312.744.318	-	-	-
Hàng hóa	222.731.349	-	281.962.626	-
Hàng gửi đi bán	7.883.000	-	-	-
Hàng hóa bất động sản (*)	11.352.702	-	11.352.702	-
	1.217.781.284	-	1.594.468.128	-

(\*) Đây là phần diện tích đất nền 432,22 m2 chưa bàn giao cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển SACA do vướng mắc về tranh chấp đất đai (Thuyết minh 40).

**15. Trả trước cho người bán dài hạn**

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Công ty Cổ phần Địa Ốc 10 (*)	30.886.813.597	30.886.813.597
Công ty TNHH Một thành viên San lấp Mặt bằng Long Bình	950.000.000	1.220.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông 710	213.168.087	213.168.087
	32.049.981.684	32.319.981.684

(\*) Khoản trả trước cho người bán dài hạn từ Công ty Cổ phần Địa Ốc 10 liên quan tới hai dự án Bắc Rạch Chiếc – Phước Bình trị giá 11.329 triệu VND (1/1/2016: 11.329 triệu VND) và Phước Long A trị giá 19.558 triệu VND (1/1/2016: 19.558 triệu VND) tại Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh (Thuyết minh 17).

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**

**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**16. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Đồ đạc và trang bị văn phòng VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	65.496.448.801	24.334.063.328	24.710.405.094	362.409.120	3.549.734.364	118.453.060.707
Tăng trong kỳ	-	-	101.800.000	-	-	101.800.000
Thanh lý trong kỳ	(66.259.708)	-	(287.740.000)	-	(85.670.118)	(439.669.826)
Số dư cuối kỳ	65.430.189.093	24.334.063.328	24.524.465.094	362.409.120	3.464.064.246	118.115.190.881
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	48.480.976.868	23.209.278.637	11.076.748.383	306.159.120	1.527.751.455	84.600.914.463
Khấu hao trong kỳ	965.846.799	542.345.394	1.192.102.102	9.375.000	232.454.706	2.942.124.001
Thanh lý trong kỳ	(44.692.342)	-	(287.740.000)	-	(85.670.118)	(418.102.460)
Số dư cuối kỳ	49.402.131.325	23.751.624.031	11.981.110.485	315.534.120	1.674.536.043	87.124.936.004
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu kỳ	17.015.471.933	1.124.784.691	13.633.656.711	56.250.000	2.021.982.909	33.852.146.244
Số dư cuối kỳ	16.028.057.768	582.439.297	12.543.354.609	46.875.000	1.789.528.203	30.990.254.877

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 có các tài sản cố nguyên giá 56.591 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 44.855 triệu VND).

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**17. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND</b>	<b>Năm kết thúc ngày 31/12/2015 VND</b>
Số dư đầu kỳ	41.308.958.414	41.230.884.914
Tăng trong kỳ	7.264.629.906	78.073.500
Số dư cuối kỳ	48.573.588.320	41.308.958.414

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>30/6/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
Dự án Bắc Rạch Chiếc – Phước Bình (*)	31.398.458.952	31.374.394.952
Dự án Bắc Rạch Chiếc – Phước Long A (*)	9.812.018.007	9.812.018.007
Dự án Bãi Container Đình Vũ	122.545.455	122.545.455
Dự án văn phòng làm việc phía Nam	7.240.565.906	-
	48.573.588.320	41.308.958.414

(\*) Dự án Bắc Rạch Chiếc là dự án khu đô thị được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 15/03/2001 gồm hai dự án thành phần là Dự án Bắc Rạch Chiếc – Phước Bình và Dự án Bắc Rạch Chiếc – Phước Long A. Hai dự án được triển khai từ năm 2001.

Dự án Bắc Rạch Chiếc – Phước Bình được hình thành từ nguồn vốn đóng góp của cán bộ nhân viên Công ty. Đây là dự án do Công ty đứng ra quản lý, theo dõi thay mặt các cán bộ công nhân viên của Công ty do các cán bộ công nhân viên không có tư cách pháp nhân để làm nhà đầu tư thứ cấp. Dự án Bắc Rạch Chiếc – Phước Long A là dự án do công ty đóng vai trò là nhà đầu tư thứ cấp.

Hai dự án hiện đang bị đình trệ do các nguyên nhân từ nhà đầu tư chính là Công ty Cổ phần Địa Ốc 10. Ban Tổng Giám đốc công ty đánh giá rằng trong thời gian tới khi nhà đầu tư chính giải quyết các khó khăn và tiếp tục hoàn thiện xây dựng cơ sở hạ tầng cho dự án, Công ty sẽ tiếp tục giải ngân đầu tư để hoàn thành dự án.

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**18. Chi phí trả trước dài hạn**

	Chi phí đất trả trước VND	Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	4.568.419.257	1.712.871.015	17.763.325	40.800.146	6.339.853.743
Tăng trong kỳ	-	-	-	43.307.272	43.307.272
Phân bổ trong kỳ	(104.460.748)	(598.259.082)	(17.763.325)	(19.892.572)	(740.375.727)
Số dư cuối kỳ	4.463.958.509	1.114.611.933	-	64.214.846	5.642.785.288

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	<b>30/6/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Giá trị thuế của các khoản lỗ trong kỳ	2.069.977.176	-

**20. Phải trả người bán ngắn hạn**

**(a) Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn**

	<b>30/6/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam	8.831.401.667	8.694.388.167
Các nhà cung cấp khác	9.245.545.735	8.937.018.757
	18.076.947.402	17.631.406.924

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Công ty có khả năng thanh toán tất cả các khoản phải trả người bán. Tại ngày báo cáo, Công ty không có các khoản phải trả quá hạn.

**(b) Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan**

	<b>30/6/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam	8.831.401.667	8.694.388.167

Khoản phải trả bên liên quan không phải đảm bảo, không bị tính lãi và phải trả trong vòng 2 tháng 10 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.



**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**21. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước**

**(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa.

**(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2016 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/khấu trừ trong kỳ VND	30/6/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	522.356.163	8.657.054.730	(8.286.456.291)	892.954.602
Thuế xuất nhập khẩu	-	88.362.281	(88.362.281)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.404.996.141	924.000	(3.405.920.141)	-
Thuế thu nhập cá nhân	125.870.116	719.576.149	(763.174.366)	82.271.899
Thuế nhà đất	-	1.092.864.231	(1.092.864.231)	-
Tiền thuê đất	20.000.000	1.168.185.600	(1.168.185.600)	20.000.000
Các loại thuế khác	72.476.464	414.717.698	(413.163.587)	74.030.575
	4.145.698.884	12.141.684.689	(15.218.126.497)	1.069.257.076

**22. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Chi phí khai thác bãi	2.471.990.342	2.962.268.955
Chi phí phải trả hoạt động giao nhận	197.367.408	107.971.466
Chi phí phải trả hoạt động vận tải	1.126.069.075	365.813.665
Chi phí phải trả hoạt động cấp dầu	47.929.130	588.392
Các khoản trích trước khác	951.345.010	20.810.994
	4.794.700.965	3.457.453.472

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**23. Phải trả khác**

**(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	95.900.976	290.632.537
Cổ tức phải trả cho Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	4.254.000.000	-
Cổ tức phải trả cho các cổ đông khác	2.628.159.210	-
Thù lao hội đồng quản trị phải trả	210.000.000	-
Tiền lãi hợp đồng hợp tác kinh doanh phải trả Công ty An Phát	851.649.672	425.544.124
Tiền lãi hợp đồng hợp tác kinh doanh phải trả Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	-	523.416.770
Phải trả ngắn hạn khác	218.914.669	347.182.549
	8.258.624.527	1.586.775.980

**(b) Phải trả dài hạn khác**

	<b>30/6/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Các khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	752.000.000	1.118.500.000
Khoản góp vốn của cán bộ công nhân viên thực hiện Dự án Bắc Rạch Chiềc (*)	43.977.775.000	43.977.775.000
Lãi tiền gửi Dự án Bắc Rạch Chiềc (**)	7.551.638.774	7.491.079.674
	52.281.413.774	52.587.354.674

(\*) Đây là khoản phải trả liên quan đến phần vốn góp của cán bộ nhân viên của Công ty ủy thác cho Công ty để thực hiện dự án Bắc Rạch Chiềc - Phước Bình tại Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi dự án hoàn thành, Công ty có nghĩa vụ bàn giao lại toàn bộ dự án này cho cán bộ nhân viên của Công ty. Hiện tại, Dự án này đang bị đình trệ (thuyết minh 17).

(\*\*) Đây là khoản lãi phát sinh từ các hợp đồng tiền gửi kỳ hạn 1 tháng của cán bộ nhân viên Công ty đóng góp cho Dự án Bắc Rạch Chiềc – Phước Bình (thuyết minh 9) với lãi suất từ 4,8% đến 5,2% một năm.

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ/năm như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND</b>	<b>Năm kết thúc ngày 31/12/2015 VND</b>
Số dư đầu kỳ/năm	231.878.182	1.104.889.628
Trích lập trong kỳ/năm	1.921.332.140	2.128.818.315
Thu khác	101.698.822	211.903.290
Sử dụng trong kỳ/năm	(1.576.508.931)	(3.213.733.051)
Số dư cuối kỳ/năm	<u>678.400.213</u>	<u>231.878.182</u>

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ tổng hợp cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**25. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015</b>	90.000.000.000	20.000.000.000	(20.000)	8.746.758.303	26.453.430.702	145.200.169.005
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	8.277.831.455	8.277.831.455
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	3.568.687.915	(3.568.687.915)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.505.166.705)	(1.505.166.705)
Cổ tức (Thuyết minh 27)	-	-	-	-	(10.799.997.600)	(10.799.997.600)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (chưa soát xét)</b>	90.000.000.000	20.000.000.000	(20.000)	12.315.446.218	18.857.409.937	141.172.836.155
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016</b>	90.000.000.000	20.000.000.000	(20.000)	12.315.446.218	43.433.746.602	165.749.172.820
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	-	(7.351.794.702)	(7.351.794.702)
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	4.515.537.433	(4.515.537.433)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.921.332.140)	(1.921.332.140)
Cổ tức (Thuyết minh 27)	-	-	-	-	(10.799.997.600)	(10.799.997.600)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016</b>	90.000.000.000	20.000.000.000	(20.000)	16.830.983.651	18.845.084.727	145.676.048.378

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**26. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2016		1/1/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	9.000.000	90.000.000.000	9.000.000	90.000.000.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	9.000.000	90.000.000.000	9.000.000	90.000.000.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b>				
Cổ phiếu phổ thông	2	20.000	2	20.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	8.999.998	89.999.980.000	8.999.998	89.999.980.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

**27. Cổ tức**

Tại cuộc họp ngày 26 tháng 4 năm 2016, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức trị giá 10.799.997.600 VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015: 10.799.997.600 VND).

**28. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**29. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>30/6/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	8.679.520.011	8.679.520.011
Trong vòng hai đến năm năm	28.603.677.470	30.458.837.021
Sau năm năm	66.441.306.626	72.340.035.836
	103.724.504.107	111.478.392.868

**(b) Ngoại tệ**

	<b>30/6/2016</b>		<b>1/1/2016</b>	
	<b>Nguyên tệ</b>	<b>Tương đương VND</b>	<b>Nguyên tệ</b>	<b>Tương đương VND</b>
USD	262.759,00	5.884.399.874	119.556,93	2.684.650.864
		5.884.399.874		2.684.650.864

**(c) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	<b>30/6/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đã được phê duyệt và ký hợp đồng	24.252.467.890	15.943.146.177
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	32.476.200.000	32.578.000.000
	56.728.667.890	48.521.146.177

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**30. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
		Chưa soát xét
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	20.462.679.026	28.593.513.447
▪ Cung cấp dịch vụ	94.041.962.189	88.386.836.102
		<hr/>
Doanh thu thuần	114.504.641.215	116.980.349.549
		<hr/> <hr/>

**31. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
		Chưa soát xét
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Hàng hoá đã bán	19.791.959.115	27.838.015.486
▪ Dịch vụ đã cung ứng	79.812.620.176	76.118.210.712
		<hr/>
	99.604.579.291	103.956.226.198
		<hr/> <hr/>

**32. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
		Chưa soát xét
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	93.656	-
Lãi tiền gửi	406.327.927	785.582.955
Cổ tức được chia	929.525.000	727.315.800
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	24.352.980	36.372.983
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	27.012.880
Doanh thu tài chính khác	16.700.848	-
		<hr/>
	1.377.000.411	1.576.284.618
		<hr/> <hr/>

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**33. Chi phí tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
		Chưa soát xét
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	93.586.600	-
Dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư (*)	19.209.990.458	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	54.675.459	36.625.829
Chi phí tài chính khác	159.167	-
	19.358.411.684	36.625.829

(\*) Khoản dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư phát sinh liên quan tới khoản lỗ từ thanh lý Ụ nổi 83M của Công ty TNHH Sửa chữa Tàu biển Vinalines trong năm 2016.

**34. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
		Chưa soát xét
Chi phí nhân viên quản lý	2.683.943.729	2.295.321.512
Chi phí dự phòng	-	40.000.000
Chi phí khấu hao	16.824.348	-
Chi phí bằng tiền khác	2.232.344.376	1.247.511.591
Chi phí dịch vụ mua ngoài	517.356.564	1.022.473.553
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	859.802.370	121.932.608
	6.310.271.387	4.727.239.264



**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**35. Thu nhập khác**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
		Chưa soát xét
Lãi do thanh lý tài sản cố định	199.123.543	601.586.361
Tiền phạt thu được từ các đơn vị khác	105.664.092	7.368.000
Các khoản khác	303.205.660	140.788.664
	607.993.295	749.743.025
	607.993.295	749.743.025

**36. Chi phí sản xuất thương mại và kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
		Chưa soát xét
Chi phí nhân công	17.008.791.204	14.679.705.686
Chi phí khấu hao	3.046.584.749	2.693.702.136
Chi phí dịch vụ mua ngoài	52.759.436.490	62.580.873.139
Chi phí khác	13.707.822.139	891.169.015
	87.522.434.582	82.844.650.066
	87.522.434.582	82.844.650.066

**37. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
		Chưa soát xét
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện hành	-	2.129.632.621
Dự phòng thiếu trong những năm trước	924.000	-
<b>Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Lợi ích của lỗ tính thuế được ghi nhận	(2.069.977.176)	-
	(2.069.977.176)	2.129.632.621
	(2.069.977.176)	2.129.632.621

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	(9.420.847.878)	10.407.464.076
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	(1.884.169.576)	2.289.642.097
Chi phí không được khấu trừ thuế	97.400	-
Thu nhập không bị tính thuế	(185.905.000)	(160.009.476)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	924.000	-
	(2.069.053.176)	2.129.632.621

**(c) Thuế suất áp dụng**

Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015: 22%) trên lợi nhuận tính thuế.

**38. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
(Lỗ)/lợi nhuận thuần trong kỳ	(7.351.794.702)	8.277.831.455
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-
(Lỗ)/lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	(7.351.794.702)	8.277.831.455
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (cổ phiếu)	8.999.998	8.999.998
(Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu	(817)	920

(\*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi do chưa chắc chắn về kết quả hoạt động kinh doanh của cả năm 2016. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sẽ giảm đi.

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**39. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<b>Giá trị giao dịch cho</b>	
	<b>kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	<b>30/6/2015</b>
	<b>30/6/2016</b>	<b>30/6/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
		<b>Chưa soát xét</b>
<b>Công ty mẹ - Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam</b>		
Cổ tức được chia	5.508.000.000	5.508.000.000
Cổ tức đã trả	1.254.000.000	-
Lãi hợp đồng hợp tác liên doanh	-	299.938.050
<b>Công ty liên quan khác</b>		
<b>Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam</b>		
Cung cấp dịch vụ	181.469.908	350.141.001
<b>Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam</b>		
Cung cấp dịch vụ	461.811.858	1.078.815.444
Bán hàng hóa	1.704.070.862	2.837.189.056
Mua dịch vụ	14.648.060.455	4.129.960.000
<b>Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao</b>		
Bán hàng hóa	833.534.546	4.065.664.093
<b>Công ty Vận tải biển Container Vinalines</b>		
Bán hàng hóa	245.480.055	-
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc</b>		
Tiền lương và thưởng	775.100.108	502.415.484

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**40. Nợ tiềm tàng**

Theo quy hoạch của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty đã bàn giao 18.137 m<sup>2</sup> đất tại phường Phước Long A và Phước Bình, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển SACA (“SACA”) và đổi lại Công ty nhận lại 2.943,27 m<sup>2</sup> đất nền có cơ sở hạ tầng và và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong dự án.

Trong năm 2007 và 2008, Công ty ký ba hợp đồng kinh tế số 1306/HĐKT VMD-SACA ngày 12 tháng 11 năm 2007, hợp đồng số 1356/HĐKT VMD-SACA ngày 14 tháng 11 năm 2007 và hợp đồng số 130/HĐ VMD-SACA ngày 30 tháng 1 năm 2008 với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển SACA (“SACA”) về việc bồi thường đất với tổng giá trị là 32.280.510.000 VND tương ứng với 2.511,05 m<sup>2</sup> đất nền có cơ sở hạ tầng, còn lại 432,22 m<sup>2</sup> đất nền có cơ sở hạ tầng Công ty chưa ký hợp đồng với SACA. Công ty đã ghi nhận doanh thu bất động sản từ các hợp đồng này theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước tại Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước năm 2014 và chuyên đề thực hiện đề án “Tái cơ cấu doanh nghiệp Nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng Công ty nhà nước giai đoạn 2011-2015” của Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải ngày 23 tháng 9 năm 2015.

Tuy nhiên, trong diện tích đất 18.137 m<sup>2</sup> mà Công ty đã bàn giao cho SACA có một phần đất đang bị tranh chấp với Công ty TNHH Thương mại, Dịch vụ và Kinh doanh nhà Vĩnh Lộc (“Công ty Vĩnh Lộc”).

Ngày 28 tháng 7 năm 2015, Công ty đã nhận được Quyết định số 1904/QĐ-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa Công ty với Công ty Vĩnh Lộc. Theo nội dung Quyết định trên, Bộ Tài nguyên Môi trường đã xác định rõ việc Công ty Vĩnh Lộc yêu cầu được công nhận quyền sử dụng cho diện tích đất tranh chấp là không có căn cứ pháp luật để giải quyết và việc căn cứ vào hàng rào ranh giới giữa Công ty và Công ty Vĩnh Lộc để công nhận quyền sử dụng đất cho các bên là không phù hợp. Bộ Tài nguyên và Môi trường cũng đã quyết định công nhận quyền sử dụng 3.144 m<sup>2</sup> đất (thuộc khu I) cho Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải và giao Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chỉ đạo các cơ quan có liên quan thực hiện việc cắm mốc, xác định ranh giới trên thực địa cho Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải và Công ty Vĩnh Lộc đối với các phần đất được công nhận. Công ty dự kiến tiến hành sẽ dùng 3.144 m<sup>2</sup> đất đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường công nhận quyền sử dụng và 432,22 m<sup>2</sup> đất có hạ tầng Công ty chưa bàn giao cho SACA để hoàn thành hợp đồng với SACA.

Ngày 9 tháng 12 năm 2015, Công ty nhận được thư mời số 3/GM-TTr của Đoàn thanh tra theo Quyết định số 3434/QĐ-TTCT ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thanh tra Chính phủ về khiếu nại của Công ty Vĩnh Lộc với Công ty Cổ phần Phát triển Hàng Hải về quyền sử dụng đất tại Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, vấn đề này đang được Thanh tra Chính phủ kiểm tra và xem xét.

29 -08- 2016

Người lập:

Bùi Thị Thu Hà  
Người lập

Người duyệt:

Đặng Anh Dũng  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Dũng  
Tổng Giám đốc

Số: 99 /2016/PTHH/BCGT  
V/v giải trình LNST sau soát xét 6 tháng  
đầu năm 2016 bị lỗ

Hải phòng, ngày 30 tháng 8 năm 2016

**Kính gửi:** - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

1. Tên Công ty: Công ty cổ phần Phát triển hàng hải
2. Mã chứng khoán: VMS
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 11 Võ Thị Sáu, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
4. Điện thoại: 031. 3836379 Fax: 031. 3836151
5. Nội dung giải trình: Lợi nhuận sau thuế tại Báo cáo tài chính tổng hợp soát xét 6 tháng đầu năm 2016 của Công ty bị lỗ và Lợi nhuận sau thuế tại Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng đầu năm 2016 của Văn phòng Công ty bị lỗ, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Văn phòng Công ty		Công ty	
	Trước soát xét	Sau soát xét	Trước soát xét	Sau soát xét
Lợi nhuận sau thuế	2.923.294.014 đ	-13.608.592.089 đ	7.789.178.127 đ	-7.351.794.702 đ

Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2016 của Văn phòng Công ty và Công ty bị lỗ là do nguyên nhân chủ yếu sau:

Tại thời điểm Công ty lập Báo cáo tài chính quý 2 năm 2016, Công ty chưa nhận được Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm của Công ty TNHH sửa chữa tàu biển Vinalines (là đơn vị mà Công ty góp vốn với số tiền là: 33.594.424.002 đồng, tương đương 11,3% vốn điều lệ của Công ty TNHH sửa chữa tàu biển Vinalines) nên chưa thực hiện việc trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư dài hạn này.

Tại thời điểm soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2016, Công ty đã nhận được Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm chưa soát xét của Công ty TNHH sửa chữa tàu biển Vinalines, trên cơ sở đó kiểm toán đã trích lập dự phòng giảm giá đối với khoản đầu tư dài hạn này là: 19.209.990.458 đồng. Vì vậy lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2016 của Văn phòng Công ty và Công ty bị lỗ như số báo cáo trên.

Xin trân trọng báo cáo.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- HĐQT/Trưởng BKS Cty (để b/c);
- Lưu TH, TCKT.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Dũng